

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2014/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 25 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ triển khai trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011- 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 142/TTr-SNN ngày 11/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 60/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011; Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Lào Cai.

Các nội dung hỗ trợ theo Quyết định 60/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 đã được UBND tỉnh giao kế hoạch và dự toán tiếp tục tổ chức thực hiện theo kế hoạch giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp;
hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp,
cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014
của UBND tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng áp dụng:

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp, thủy sản (gọi chung là người sản xuất) trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015.

- Các trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp (trâu, bò, lợn và gia cầm); cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh đáp ứng các tiêu chí và quy định hiện hành của Nhà nước đối với từng loại cơ sở tương ứng, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch tổng thể của ngành nông nghiệp tỉnh Lào Cai đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2010 - 2015 thì được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí cho các nội dung xây dựng cơ sở vật chất; tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, thú y; xúc tiến thương mại; xử lý vệ sinh môi trường.

2. Phạm vi điều chỉnh:

- Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai theo quy hoạch, kế hoạch hàng năm hoặc có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án sản xuất nông nghiệp thuộc đề án “Phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2011-2015” đã được phê duyệt tại Quyết định số 281/QĐ-TU ngày 15/11/2011 của Tỉnh ủy Lào Cai và các dự án khác được UBND tỉnh phê duyệt.

- Trường hợp đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Quyết định này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh bố trí từ các nguồn vốn chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn ngân sách tỉnh, nguồn ủng hộ đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo bằng 10% tổng dự toán kinh phí ngân sách hỗ trợ hàng năm để thực hiện chính sách trên địa bàn huyện, thành phố (trừ chính sách hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung).

Chương II**QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Mục 1****CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ****Điều 3. Chính sách hỗ trợ trồng trọt**

1. Khuyến khích phát triển sản xuất thâm canh, tăng vụ:

Vùng thâm canh trọng điểm sản xuất lúa nước: Hỗ trợ giống mới, phân bón và chuyển giao kỹ thuật cho vụ đầu tiên (thâm canh lúa cải tiến SRI) với mức: 1.000.000 đồng/ha. Thực hiện theo Phương án được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Hỗ trợ sản xuất hàng hóa:

a) Trồng, chế biến chè chất lượng cao: Hỗ trợ trồng mới chè Ô long và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản, mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/ha.

- Điều kiện được hỗ trợ:

+ Dự án trồng chè nguyên liệu chất lượng cao (đạt tiêu chuẩn chế biến chè công nghệ Ô long) được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Cây giống đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, phải được mua từ các cơ sở có điều kiện và tư cách pháp nhân sản xuất kinh doanh giống.

+ Diện tích chè trồng mới (đảm bảo kỹ thuật được nghiệm thu) và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản theo tiêu chuẩn ngành: 10 TCN 446-2001 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho nông dân 29 triệu đồng/ha (bao gồm cây giống và chi phí một phần phân bón); hỗ trợ hoạt động quản lý 01 triệu đồng/ha (bao gồm tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, chỉ đạo sản xuất).

- Hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ:

+ Biên bản nghiệm thu cây giống. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Trồng trọt Sở Nông nghiệp và PTNT; Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế huyện, thành phố; UBND xã, Ban Quản lý dự án phát triển vùng chè huyện, thành phố,; trưởng thôn bản; đại diện cơ sở cung ứng cây giống.

+ Các biên bản nghiệm thu kỹ thuật làm đất, nghiệm thu sau trồng đối với từng hộ. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc phòng Kinh tế huyện, thành phố, UBND xã, Ban Quản lý dự án phát triển vùng chè huyện, thành phố, trưởng thôn bản, Khuyến nông xã /thôn bản và đại diện hộ.

+ Các biên bản nghiệm thu công tác chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế huyện, thành phố, UBND xã, Ban Quản lý dự án phát triển vùng chè huyện, thành phố, trưởng thôn bản, Khuyến nông xã/thôn bản và đại diện hộ.

+ Danh sách ký nhận hỗ trợ (tiền, hiện vật) của các hộ; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hóa đơn bán hàng theo quy định; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, chứng nhận sản phẩm và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm theo tiêu chuẩn, xúc tiến thương mại theo phương án được duyệt.

c) Sản xuất rau an toàn, hoa, dược liệu:

Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác đầu tư trồng rau an toàn, hoa chất lượng cao, cây dược liệu (trong vùng quy hoạch) gắn với bao tiêu sản phẩm: Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 36 tháng. Quy mô trồng tối thiểu 02 ha trở lên. Mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất bằng 100% tổng mức đầu tư (tiền mua giống, phân bón, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật) theo quy mô dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Phát triển sản xuất, tiêu thụ giống lúa lai sản xuất tại tỉnh:

3.1. Khuyến khích nghiên cứu chọn tạo giống lúa lai mới:

Hỗ trợ kinh phí phục vụ nghiên cứu, thu thập, chọn tạo, khảo nghiệm giống lúa mới; đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp; khuyến khích chọn tạo các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt bổ sung vào cơ cấu giống lúa của tỉnh. Kinh phí cụ thể theo dự toán hàng năm được UBND tỉnh duyệt.

3.2. Hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1:

a) Đơn vị sản xuất (Trung tâm Giống nông lâm nghiệp tỉnh) được vay vốn để tổ chức sản xuất và cung ứng hạt giống lúa theo kế hoạch tỉnh phê duyệt hàng năm. Mức vay tối thiểu bằng 50% kinh phí sản xuất hạt giống lúa lai hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh, quỹ đầu tư phát triển hoặc các nguồn khác để chủ động vốn cho sản xuất.

b) Được ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất và nhân dòng giống lúa bố mẹ và vùng sản xuất hạt giống lúa lai F1 theo dự án chuyên đề được tỉnh phê duyệt.

c) Các hộ nông dân có ruộng trong vùng quy hoạch sản xuất hạt giống lúa lai được hỗ trợ một lần kinh phí chuyển đổi từ sản xuất lúa thối sang sản xuất lúa giống là 15 triệu đồng/ha.

- Điều kiện được hỗ trợ: Các hộ ký hợp đồng sản xuất lúa giống với Trung tâm Giống nông lâm nghiệp tỉnh và cam kết thực hiện sản xuất ổn định 3 năm liên tiếp.

- Nội dung hỗ trợ: Chi trả một lần sau khi thực hiện 3 vụ sản xuất liên tiếp hoặc hỗ trợ trong 3 vụ (mỗi vụ 5 triệu đồng/ha) theo đề nghị của các hộ dân.

- Hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ:

+ Biên bản nghiệm thu diện tích sản xuất lúa giống của từng hộ qua từng vụ sản xuất. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế huyện, thành phố, UBND xã, trưởng thôn bản, đại diện hộ, đại diện Trung tâm Giống nông lâm nghiệp tỉnh.

+ Danh sách ký nhận tiền hỗ trợ của từng hộ; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

3.3. Hỗ trợ bảo hiểm sản xuất giống lúa lai:

a) Các hộ nông dân sản xuất giống lúa lai tại tỉnh trong vùng quy hoạch được Nhà nước bảo hiểm sản xuất khi bị thất thu do điều kiện bất khả kháng. Mức bảo hiểm là phần bù đắp chi phí của người dân sản xuất.

b) Quỹ bảo hiểm sản xuất được trích 40% từ lợi nhuận sản xuất giống lúa hàng năm. Giao Trung tâm Giống nông lâm nghiệp quản lý quỹ, có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng quy định.

3.4. Hỗ trợ tiêu thụ giống lúa lai sản xuất tại tỉnh:

a) Toàn bộ giống lúa do Trung tâm Giống nông lâm nghiệp sản xuất ra được tỉnh ưu tiên tiêu thụ thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ giống lúa trên địa bàn tỉnh.

b) Trung tâm Giống nông lâm nghiệp tỉnh được tính đầy đủ các chi phí vào giá thành giống lúa, nhằm tạo điều kiện cho đơn vị đầu tư mở rộng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giống lúa sản xuất tại Lào Cai.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ chăn nuôi

1. Phát triển chăn nuôi:

1.1. Chăn nuôi đại gia súc: Hỗ trợ phát triển nuôi bò vàng hàng hóa và trồng cỏ, trồng ngô dày chế biến, dự trữ thức ăn cho gia súc trong vụ Đông theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm:

a) Hỗ trợ xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh: Các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm (trang trại chăn nuôi tập trung) đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đảm bảo các quy định được hỗ trợ một lần 10 triệu đồng để mua sắm thuốc, dụng cụ thú y.

- Điều kiện được hỗ trợ: Đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, đảm bảo các quy định tại Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Nội dung: Hỗ trợ một lần sau khi được Cục Thú y cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí của cơ sở (kèm theo bản sao chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh); Danh sách ký nhận tiền hỗ trợ của từng cơ sở; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

b) Hỗ trợ tiêm phòng cho đàn gia súc:

- Đối với đàn đại gia súc (trâu, bò, ngựa): Ngân sách Nhà nước cấp không thu tiền các loại vắc xin đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT để tiêm phòng cho trâu, bò ngựa trên địa bàn toàn tỉnh; hỗ trợ công tiêm phòng các loại vắc xin 2.000 đồng/01 mũi tiêm. Phần chi phí làm giống, giá, dây chấu, bắt giữ, cố định để tiêm phòng do chủ gia súc chi trả.

- Đối với đàn lợn: Ngân sách Nhà nước cấp không thu tiền các loại vắc xin đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT để tiêm phòng cho đàn lợn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đối với gia cầm: Ngân sách Nhà nước cấp không thu tiền vắc xin cúm gia cầm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phòng chống dịch cúm gia cầm, để tiêm phòng cho đàn gia cầm của các hộ, cơ sở chăn nuôi.

- Phòng bệnh dại: Ngân sách nhà nước cấp không thu tiền vắc xin dại chó để tiêm phòng bệnh dại cho đàn chó trên địa bàn tỉnh.

Phương thức hỗ trợ tiêm phòng các loại vắc xin trên: Tổ chức thực hiện thông qua Chi cục Thú y tỉnh theo quy định hiện hành.

1.3. Hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi:

a) Hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên; cấp dụng cụ phối giống bò (bình ni tơ, súng bắn tinh) cho dẫn tinh viên đã qua đào tạo, có chứng chỉ. Mức hỗ trợ cụ thể theo dự toán được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo: Mức hỗ trợ là 500.000 đồng/con bê ra đời, trong đó: chi hỗ trợ tiền công phối giống cho dẫn tinh viên với mức 200.000 đồng/con; hỗ trợ tiền tinh và ni tơ bảo quản tinh mức 300.000 đồng/con. Hỗ trợ thú y viên, dẫn tinh viên trong việc thiến bò đực với mức tối đa không quá 100.000 đồng/con.

Phương thức hỗ trợ: Theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Hỗ trợ nuôi lợn đực giống để khai thác tinh nhân tạo (quy mô tối thiểu 3con/cơ sở). Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở đăng ký mới đảm bảo các tiêu chuẩn quy định giống chuẩn Quốc gia.

- Điều kiện hỗ trợ: Cá nhân, hộ gia đình đầu tư cơ sở nuôi lợn đực giống đảm bảo các tiêu chuẩn quy định giống chuẩn Quốc gia để khai thác và cung cấp tinh lợn cho thụ tinh nhân tạo.

- Nội dung hỗ trợ: Chi trả hỗ trợ 01 lần sau khi hoàn thành đầu tư mới cơ sở khai thác tinh nhân tạo (Chuồng trại, lợn đực giống đủ tiêu chuẩn khai thác tinh)

- Hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng cơ sở đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định của từng hộ. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế, Trạm Thú y huyện, thành phố, UBND xã, trưởng thôn bản, đại diện hộ.

+ Danh sách ký nhận tiền hỗ trợ của từng hộ; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

2. Phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

2.1. Đối với trang trại chăn nuôi:

Các tổ chức, cá nhân khi có trang trại chăn nuôi đáp ứng được các yêu cầu theo quy định hiện hành về đăng ký, sản xuất theo mô hình trang trại thì được thụ hưởng các nội dung hỗ trợ: xây dựng cơ sở vật chất; tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, thú y; xử lý vệ sinh môi trường, giống mới, cụ thể:

a) Đối với các trang trại đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trang trại và đang hoạt động ổn định thì được hỗ trợ 15 triệu đồng/trang trại.

- Điều kiện để được hỗ trợ:

+ Có giấy chứng nhận kinh tế trang trại được UBND huyện cấp theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại (theo Thông tư 27/2011/TT-BNN&PTNT ngày 13/4/2011).

+ Trang trại có tỷ trọng giá trị sản lượng hàng hóa của ngành chăn nuôi chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại và đạt từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên.

+ Có Giấy đề nghị hỗ trợ phát triển trang trại chăn nuôi (theo mẫu số 01).

- Nội dung hỗ trợ: Chủ đầu tư được hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/trang trại để thực hiện các nội dung sau: Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi; thuốc và dịch vụ thú y; xử lý vệ sinh môi trường; mua giống mới.

- Hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3). Biên bản kiểm tra xác nhận trang trại có đủ điều kiện được hỗ trợ và đã hoàn thành các nội dung công việc theo Quyết định phân bổ kinh phí của UBND cấp huyện. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; Lãnh đạo cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường; Lãnh đạo Trạm Thú y; Lãnh đạo UBND xã, Chủ trang trại (Mẫu số 4).

b) Đối với các tổ chức, cá nhân đang chăn nuôi tập trung nhưng chưa đủ điều kiện để công nhận là trang trại chăn nuôi thì được hỗ trợ một phần kinh phí để hoàn thiện các tiêu chí công nhận trang trại chăn nuôi, mức hỗ trợ không vượt quá 30 triệu đồng/trang trại.

- Điều kiện để được hỗ trợ: Có Giấy đề nghị đăng ký hỗ trợ xây dựng trang trại chăn nuôi được UBND xã sở tại xác nhận (theo mẫu số 02 đính kèm), bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất để xây dựng trang trại (đối với diện tích đất cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận là người đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp) và đồng thời đảm bảo một trong các tiêu chí ban đầu về số lượng đầu con gia súc, gia cầm dưới đây:

+ Đối với chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò, ngựa): Chăn nuôi sinh sản, lấy sữa có thường xuyên từ 10 con trở lên; hoặc chăn nuôi lấy thịt có thường xuyên từ 50 con trở lên.

+ Đối với chăn nuôi tiểu gia súc (lợn, dê): Chăn nuôi lợn sinh sản có thường xuyên từ 20 con/năm trở lên; hoặc chăn nuôi lợn thịt có thường xuyên từ 100 con/năm trở lên (không kể lợn sữa), dê thịt từ 200 con/năm trở lên.

+ Đối với chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng): Có thường xuyên từ 1.000 con trở lên (không tính số đầu con dưới 7 ngày tuổi).

- Nội dung hỗ trợ: Chủ đầu tư được hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/trang trại để thực hiện các nội dung sau: Xây dựng chuồng trại, đường giao thông, cấp điện, cấp nước, nhà kho; Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi; Thuốc và dịch vụ thú y; Vật tư, thiết bị xử lý vệ sinh môi trường; Chi phí mua giống mới.

- Cấp phát kinh phí hỗ trợ:

+ Cấp phát lần 1: Bằng 50% tổng số kinh phí được hỗ trợ. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3). Biên bản kiểm tra xác nhận trang trại có đủ điều kiện được hỗ trợ và đã hoàn thành các nội dung công việc theo Quyết định phân bổ kinh phí của UBND cấp huyện. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; Lãnh đạo cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường; Lãnh đạo Trạm Thú y; Lãnh đạo UBND xã, Chủ trang trại (Mẫu số 4).

+ Cấp phát lần 2 (*sau thời điểm cấp lần 1 không quá 12 tháng*): Bằng 50% tổng số kinh phí được hỗ trợ. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3). Giấy chứng nhận kinh tế trang trại được UBND cấp huyện cấp. Trường hợp không đủ điều kiện được cấp chứng nhận kinh tế trang trại thì phải hoàn trả nhà nước số kinh phí đã cấp lần 1.

c) Đối với các tổ chức, cá nhân xây dựng mới trang trại được hỗ trợ một phần kinh phí làm chuồng trại, vệ sinh môi trường, hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, mua giống mới. Mức hỗ trợ không vượt quá 50 triệu đồng/trang trại.

- Điều kiện để được hỗ trợ:

+ Có Giấy đề nghị đăng ký tham gia xây dựng trang trại chăn nuôi được UBND xã sở tại xác nhận (theo mẫu số 02).

+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất để xây

dựng trang trại (đối với diện tích đất cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận là người đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp).

- Nội dung hỗ trợ: Chủ đầu tư được hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/trang trại để thực hiện các nội dung sau: Xây dựng chuồng trại, đường giao thông, cấp điện, cấp nước, nhà kho; Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi; Thuốc và dịch vụ thú y; Vật tư, thiết bị xử lý vệ sinh môi trường; Chi phí mua giống mới.

- Cấp phát kinh phí hỗ trợ:

+ Cấp phát lần 1: Số tiền được cấp phát lần 1 tối đa là 30 triệu đồng. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3). Biên bản kiểm tra xác nhận trang trại có đủ điều kiện được hỗ trợ và đã hoàn thành các nội dung công việc theo Quyết định phân bổ kinh phí của UBND cấp huyện. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; Lãnh đạo cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường; Lãnh đạo Trạm Thú y; Lãnh đạo UBND xã, Chủ trang trại (Mẫu số 4).

+ Cấp phát lần 2 (*sau thời điểm cấp lần 1 không quá 12 tháng*): Số tiền cấp phát lần 2 bằng tổng số kinh phí được hỗ trợ theo quy định trừ đi số đã được cấp phát lần 1. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3). Giấy chứng nhận kinh tế trang trại được UBND cấp huyện cấp. Trường hợp không đủ điều kiện được cấp chứng nhận kinh tế trang trại thì phải hoàn trả nhà nước số kinh phí đã cấp lần 1.

2.2. Đối với cơ sở chăn nuôi công nghiệp:

Đối với các Hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp chăn nuôi lợn nái trên 600 con/năm, chăn nuôi lợn thịt trên 3.000 con/năm; Chăn nuôi gia cầm sản xuất giống 20.000 con/tháng hoặc nuôi gia cầm thịt với quy mô thường xuyên từ 30.000 con/lứa (gọi chung là cơ sở), được hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật, xúc tiến thương mại, vệ sinh môi trường. Mức hỗ trợ không quá 10% định mức đầu tư, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

- Điều kiện để được hỗ trợ:

+ Đối với các hợp tác xã, doanh nghiệp chăn nuôi lợn nái trên 600 con/năm, chăn nuôi lợn thịt trên 3.000 con/năm, chăn nuôi gia cầm sản xuất giống 20.000 con/tháng hoặc nuôi gia cầm thịt với quy mô thường xuyên từ 30.000 con/lứa.

+ Có bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất để xây dựng cơ sở. Đối với diện tích đất đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận là đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

+ Chứng chỉ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nội dung hỗ trợ: Chủ đầu tư được hỗ trợ không quá 10% định mức đầu tư, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/cơ sở để thực hiện các nội dung sau: Xây dựng

cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, nước, kho, xưởng...); Tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật; Xúc tiến thương mại; Vệ sinh môi trường.

- Hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ:

+ Cấp phát lần 1: Bằng 70% kinh phí hỗ trợ sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3); Biên bản kiểm tra xác nhận dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; Lãnh đạo cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường; Lãnh đạo Trạm Thú y; Lãnh đạo UBND xã; Chủ cơ sở (Mẫu số 4).

+ Cấp phát lần 2: Số tiền cấp phát lần 2 bằng tổng số kinh phí hỗ trợ theo quyết toán dự án được phê duyệt trừ đi số tiền đã cấp phát lần 1 theo quy định. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3); Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Biên bản kiểm tra xác nhận cơ sở đã hoàn thành các nội dung được hỗ trợ. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường; Lãnh đạo Trạm Thú y; Lãnh đạo UBND xã, Chủ cơ sở (Mẫu số 4).

2.3. Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được hỗ trợ kinh phí để đầu tư trang thiết bị, vệ sinh môi trường cho từng dự án cụ thể: Dự án dưới 10 tỷ đồng, định mức hỗ trợ tương ứng tối đa là 10% theo tổng mức đầu tư/1 cơ sở; Dự án từ 10 tỷ đồng trở lên định mức hỗ trợ tương ứng tối đa là 10% theo tổng mức đầu tư và không quá 02 tỷ đồng/1 cơ sở.

a) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Địa điểm xây dựng cơ sở giết mổ:

+ Vị trí xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phải tuân theo quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được UBND tỉnh phê duyệt (hiện nay là Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh Lào Cai).

+ Trường hợp thay đổi địa điểm theo quy hoạch hoặc chưa có trong quy hoạch thì UBND huyện, thành phố có văn bản báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- Vệ sinh Thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm: Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phải đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hiện nay là Thông tư số 60/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 và Thông tư số 61/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Công suất hoạt động đảm bảo một trong các tiêu chí dưới đây:

+ Cơ sở giết mổ gia súc: Công suất giết mổ từ 20 con/01 cơ sở/ngày đêm trở lên.

+ Cơ sở giết mổ gia cầm: Công suất giết mổ từ 200 con/01 cơ sở/ngày đêm trở lên.
+ Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: Công suất giết mổ từ 20 con gia súc và 50 con gia cầm/01 cơ sở/ngày đêm trở lên.

- Chứng chỉ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Có Dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nội dung hỗ trợ: Dự án dưới 10 tỷ đồng, định mức hỗ trợ tương ứng tối đa là 10% theo tổng mức đầu tư/1 cơ sở; Dự án từ 10 tỷ đồng trở lên định mức hỗ trợ tương ứng tối đa là 10% theo tổng mức đầu tư và không quá 02 tỷ đồng/1 cơ sở để thực hiện các nội dung theo thứ tự ưu tiên sau: Cơ sở hạ tầng; Trang thiết bị; Thiết bị vệ sinh môi trường.

c) Cấp phát kinh phí hỗ trợ:

- Cấp phát lần 1: Bằng 70% kinh phí hỗ trợ sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3); Biên bản kiểm tra xác nhận dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; Lãnh đạo cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường; Lãnh đạo Trạm Thú y; Lãnh đạo UBND xã; Chủ cơ sở (Mẫu số 4).

- Cấp phát lần 2: Số tiền cấp phát lần 2 bằng tổng số kinh phí hỗ trợ theo quyết toán dự án được phê duyệt trừ đi số tiền đã cấp phát lần 1 theo quy định. Hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị cấp kinh phí của Chủ đầu tư (Mẫu 3); Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Điều 5. Phát triển thủy sản

1. Phát triển nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa, mức hỗ trợ: 5 triệu đồng/01 lồng đóng mới thể tích từ 20m³ trở lên.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình đầu tư nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa phù hợp với Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Lào Cai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

+ Lồng nuôi cá có thể tích tối thiểu 20 m³/01 lồng; Lồng nuôi cá phải đạt tiêu chuẩn: Hệ thống khung làm bằng sắt thép hoặc tre, gỗ; hệ thống phao đỡ bằng thùng phi nhựa, kim loại hoặc phao xốp có bọc; vách lồng làm bằng lưới nylon, lưới chất dẻo (PE, PA...), hoặc lưới sắt, mắt lưới phải đảm bảo theo quy trình nuôi đối với từng loại cá.

- Nội dung hỗ trợ: Chi trả hỗ trợ 01 lần trực tiếp bằng tiền mặt sau khi hoàn thành đóng mới lồng.

- Hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng lồng cá đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định của từng hộ. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Nông

ng nghiệp và PTNT hoặc phòng Kinh tế huyện, thành phố, UBND xã, trưởng thôn bản, đại diện hộ.

+ Danh sách ký nhận tiền hỗ trợ của từng hộ; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

2. Hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật; tiếp nhận ứng dụng công nghệ sản xuất, nuôi khảo nghiệm và chọn tạo các đối tượng giống đặc sản có giá trị kinh tế cao (cá lăng, cá chiên...) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 2

TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, CẤP PHÁT KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 6. Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách

1. UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân và hộ nông dân trong tỉnh về chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung của tỉnh và tổ chức để các tổ chức, cá nhân, hộ nông dân (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) đăng ký tham gia.

2. Việc đăng ký thực hiện phải căn cứ vào nhu cầu sản xuất, sự tự nguyện của các tổ chức, cá nhân, hộ nông dân. Nội dung đăng ký phải cụ thể về vị trí, quy mô, chủng loại sản xuất:

a) Đối với các nội dung hỗ trợ sản xuất do UBND cấp huyện trực tiếp triển khai: Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện đăng ký đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách gửi UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã). UBND cấp xã tổng hợp danh sách đề nghị hỗ trợ trên địa bàn xã gửi Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế huyện, thành phố.

b) Đối với các nội dung do các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai: Đăng ký với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng gửi UBND cấp huyện để phối hợp.

3. Trên cơ sở đăng ký của hộ nông dân, các tổ chức, cá nhân; các đơn vị trực tiếp triển khai (UBND cấp huyện, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xây dựng kế hoạch hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/10 để tổng hợp, thống nhất với các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh quyết định vào Dự toán ngân sách.

Riêng đối với năm 2014, UBND cấp huyện, thành phố; các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư ngay sau khi Quyết định có hiệu lực để xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm thẩm định về đối tượng hỗ trợ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành, gửi kết quả thẩm định về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hướng dẫn lập dự án, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và cân đối các nguồn vốn do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý, trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ theo chính sách quy định chi tiết từng dự án.

6. Sở Tài chính chủ trì thẩm định dự toán (sau khi có kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT), tổng hợp trình UBND tỉnh giao dự toán kinh phí hỗ trợ cho cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố.

Điều 7. Quyết toán ngân sách

Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách do ngân sách cấp nào đảm bảo thì tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách cấp đó theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Mục 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Chủ trì thẩm định trình UBND tỉnh các dự án, kế hoạch về phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch.

b) Hàng năm chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các Sở ngành liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Chính sách cùng với Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở lập, thẩm định, phân bổ dự toán kinh phí triển khai thực hiện; thẩm định theo chuyên ngành và tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Phối hợp với các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để thống nhất lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chính sách trên đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

d) Hướng dẫn về quy mô, tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo thực hiện chính sách thiết thực, hiệu quả.

e) Hàng năm tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, tính hiệu quả của các chính sách nông nghiệp; nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn do sở quản lý để thực hiện các chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

b) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố phân bổ kế hoạch đầu tư hàng năm; đồng thời thường xuyên tham gia kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện và báo cáo kết quả với UBND tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan thẩm định các dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, cơ sở chăn nuôi công nghiệp và các dự án đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm định dự toán thực hiện; bố trí, phân bổ nguồn kinh phí chính sách nông nghiệp trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hàng năm đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các huyện, thành phố đưa vào dự toán ngân sách cấp huyện hàng năm về kinh phí để thực hiện chính sách này; kiểm tra việc thanh quyết toán vốn hỗ trợ của các đơn vị thực hiện và báo cáo kết quả với UBND tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này. Hướng dẫn các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch, lập dự án sản xuất nông nghiệp và Phê duyệt các dự án theo thẩm quyền. Huy động thêm các nguồn lực của địa phương và trong nhân dân để triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch, dự án đã được duyệt.

b) Hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp gửi Sở Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư.

d) Chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, nội dung. Tổ chức hỗ trợ, nghiệm thu, quyết toán nguồn kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành và phân cấp của UBND tỉnh.

c) Chủ động kiểm tra, giám sát chính sách hỗ trợ trên địa bàn; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này.

b) Tổ chức hướng dẫn tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đăng ký và tổng hợp lập kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng năm, đăng ký với UBND huyện, thành phố; chịu trách nhiệm về xác nhận các điều kiện (quy mô, địa điểm, loại giống cây trồng, vật tư).

c) Thực hiện hỗ trợ kinh phí theo đúng chính sách và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn.

d) Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND các huyện, thành phố.

6. Các tổ chức, cá nhân, hộ nông dân

a) Đăng ký với UBND cấp xã và thực hiện đúng các quy định nêu trên.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả. Tuân thủ chặt chẽ quy trình, quy phạm kỹ thuật trong sản xuất.

c) Thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký đầu tư, hỗ trợ, thanh quyết toán theo hướng dẫn của các cơ quan liên quan.

Điều 9. Khen thưởng, kỷ luật

1. Các tổ chức, cá nhân hộ gia đình tham gia thực hiện các chương trình, dự án sản xuất Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, tổ chức sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ theo chính sách này để phát triển sản xuất được đề nghị UBND các cấp khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân hộ gia đình, có hành vi vi phạm chính sách này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng

Mẫu 01:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Hỗ trợ phát triển trang trại chăn nuôi trên địa bàn xã/phường/thị trấn.....
huyện/phường.....thành phố/tỉnh Lào Cai***(Theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Lào Cai)*

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện/TP.....
- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế.....
- Phòng Tài Chính – Kế hoạch.....

Họ và tên chủ trang trại hoặc (đại diện hộ gia đình trang trại):.....
.....Nam/Nữ

Sinh ngày...../...../.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số.....ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại.....Fax (nếu có).....

Email (nếu có).....Website (nếu có).....

Giấy chứng nhận kinh tế trang trại số.....ngày, tháng, năm cấp...../...../.....

Nơi cấp.....

Đề nghị hỗ trợ phát triển trang trại chăn nuôi với những thông tin sau:

I. Thông tin về trang trại:

1. Địa điểm trang trại:.....

2. Lĩnh vực sản xuất của trang trại:.....

3. Diện tích đất của trang trại: Tổng diện tích đất nông nghiệp (ha):.....

Trong đó:.....

+ Diện tích dành cho chăn nuôi (ha). Chia ra: Diện tích đất xây dựng chuồng trại, nhà kho, hệ thống cấp nước, điện, hệ thống giao thông nội đồng; Diện tích trồng cây thức ăn (nếu có)

4. Giá trị sản lượng hàng hóa năm 2013:

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng hàng hóa		Giá bán sản phẩm (1000 đ)	Giá trị sản lượng hàng hóa trong năm
		Đơn vị tính	Số lượng		
	Tổng cộng				

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

Căn cứ vào Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2014-2015;

Căn cứ vào Hướng dẫn số: /HDLN:NN&PTNT-TC-KH ngày /3/2014 của Liên sở về việc hướng dẫn quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trang trại chăn nuôi.

Tôi xin đề nghị được hỗ trợ nội dung sau:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung kê khai trên đơn./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (về lĩnh vực sản xuất, giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại)

.....
.....

Ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban nhân dân
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 02:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Đăng ký tham gia xây dựng trang trại chăn nuôi trên địa bàn xã/phường/
thị trấn.....huyện/phường.....thành phố/tỉnh Lào Cai**

(Theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Lào Cai)

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện/TP.....

- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế.....

- Phòng Tài Chính – Kế hoạch.....

Họ và tên chủ trang trại hoặc (đại diện hộ gia đình trang trại):.....
.....Nam/Nữ

Sinh ngày...../...../.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số.....ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại.....Fax (nếu có).....

Email (nếu có).....Website (nếu có).....

Đề nghị tham gia xây dựng trang trại chăn nuôi với những thông tin sau:

I. Thông tin về trang trại:

1. Địa điểm trang trại:.....

2. Lĩnh vực sản xuất của trang trại:.....

3. Diện tích đất của trang trại: Tổng diện tích đất nông nghiệp (ha):.....

Trong đó:.....

+ Diện tích dành cho chăn nuôi (ha). Chia ra: Diện tích đất xây dựng chuồng trại, nhà kho, hệ thống cấp nước, điện, hệ thống giao thông nội đồng; Diện tích trồng cây thức ăn (nếu có)

4. Giá trị sản lượng hàng hóa năm 2013:

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng hàng hóa		Giá bán sản phẩm (1000 đ)	Giá trị sản lượng hàng hóa trong năm
		Đơn vị tính	Số lượng		
	Tổng cộng				

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

Căn cứ vào Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2014-2015;

Căn cứ vào Hướng dẫn số: /HDLN:NN&PTNT-TC-KH ngày /3/2014 của Liên sở về việc hướng dẫn quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trang trại chăn nuôi.

Tôi xin đề nghị được hỗ trợ nội dung sau:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung kê khai trên đơn./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (về lĩnh vực sản xuất, giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại)

.....
.....

Ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban nhân dân
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Mẫu 03:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án/ phương án.....***(Theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của
UBND tỉnh Lào Cai)*

Kính gửi: - UBND xã/phường.....;
 - Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế.....;
 - Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Chủ đầu tư:.....

Địa chỉ:.....

Họ tên người đại diện pháp lý:.....

Chức vụ:.....

Đề nghị UBND xã/phường, UBND huyện, thành phố và các phòng ban chuyên môn liên quan xem xét cấp hỗ trợ cho đơn vị chúng tôi theo quy định chính sách hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Nội dung hỗ trợ gồm:

.....

2. Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ

.....
(Bằng chữ.....)

3. Chúng tôi cam kết sử dụng số tiền hỗ trợ trên đúng mục đích, nội dung đầu tư.

Sau khi nhận kinh phí hỗ trợ lần I, gia đình chúng tôi cam kết sẽ phát triển, tăng qui mô, sản lượng và giá trị để được cấp giấy chứng nhận trang trại theo quy định. Nếu không đáp ứng được yêu cầu về thời gian cấp giấy chứng nhận trang trại sau khi đã nhận kinh phí hỗ trợ lần I, gia đình chúng tôi cam kết sẽ hoàn trả toàn bộ số kinh phí đã được nhà nước hỗ trợ.

Tổ chức/Cá nhân
Chủ đầu tư
(Ký ghi rõ họ tên)

**Ủy ban nhân dân xã/
 phường**

Phòng Tài chính – Kế hoạch
Phòng NN&PTNT huyện
(thành phố)...
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biên bản kiểm tra xác nhận đủ điều kiện về được hỗ trợ và hoàn thành các nội dung công việc theo Quyết định phân bổ kinh phí của UBND cấp huyện

Mẫu 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN VỀ THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
TRANG TRẠI, CƠ SỞ CHĂN NUÔI CÔNG NGHIỆP, CƠ SỞ GIẾT MỒ
GIA SÚC, GIA CẦM TẬP TRUNG**

(Theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Lào Cai)

Hội.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ:.....

Chúng tôi gồm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đã tiến hành kiểm tra xác nhận điều kiện về thụ hưởng chính sách hỗ trợ Đối với:.....

.....

.....

.....

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tại thời điểm cấp biên bản này có đủ điều kiện về trang trại/ cơ sở chăn nuôi công nghiệp/ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy định của pháp luật để:

.....

.....

.....

.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....
gồm:.....trang được lập thành.....bản, mỗi bên liên giữ 01 bản, đã được đọc lại cho
mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG
NN&PTNT/KINH TẾ
(Ký tên đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
PHÒNG TÀI NGUYÊN -
MÔI TRƯỜNG
(Ký tên đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
TRẠM THÚ Y
(Ký tên đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN QUẢN LÝ
XÂY DỰNG HUYỆN
(Ký tên đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
UBND CẤP XÃ
(Ký tên đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
NGƯỜI HƯỞNG LỢI
(Ký tên đóng dấu)